

Bản án số: **139/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 24-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống.

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 1, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nơi cư trú: Ấp 11, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 11, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-7-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn U tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 20-12-2008. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U đi làm ăn, không về thăm gia đình, vợ chồng ly thân từ ngày 19-9-2016 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh U.

Về nuôi con chung: Chị H và anh U có 01 người con chung tên Nguyễn

Minh T (nam), sinh ngày 12-01-2009; hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn U không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại văn bản ngày 01-10-2018, con chung là Nguyễn Minh T xác định hiện nay đang sống với chị H. Trường hợp Tòa án chấp nhận chị H và anh U ly hôn thì nguyện vọng của cháu T được sống chung với chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn U đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn U tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 20-12-2008 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh U được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị H xác định vợ chồng đã ly thân trong khoảng thời gian dài từ tháng 9-2016 cho đến nay; hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương anh U và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị H khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh U.

[4] Về nuôi con chung: Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh U không có văn bản ý kiến về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu T có nguyện vọng sống cùng với chị H. Trên cơ sở xem xét ý chí, nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của chị H nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh U không trực tiếp nuôi con có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh U không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị H, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh T (nam), sinh ngày 12-01-2009 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 27 tháng 8 năm 2018, chị H đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0012165 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út